

Kiên Giang, ngày 08 tháng 3 năm 2024

Số: 18./BC- XSKT

BÁO CÁO

Quỹ tiền lương và tình hình thực hiện lao động
của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kiên Giang

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang;
- Ban Kiểm soát Công ty.

Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động – Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BLĐ-TBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Báo cáo số 16/BC-XSKT ngày 05/3/2024 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang về Quỹ tiền lương và tình hình thực hiện lao động của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kiên Giang.

Thực hiện các qui định trên, Chủ tịch Công ty báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài chính và Ban Kiểm soát Công ty số liệu quỹ tiền lương thực hiện năm 2023, quỹ tiền lương kế hoạch năm 2024 và tình hình thực hiện sử dụng lao động năm 2023, kế hoạch sử dụng lao động năm 2024 của Công ty (Có 04 báo cáo kèm theo).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu: VP, KT.

CHỦ TỊCH CÔNG TY
CÔNG TY
TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỔ KIẾN THIẾT
KIÊN GIANG
Trần Chí Hùng

Số: 16.../BC- XSKT

Kiên Giang, ngày 05. tháng 12. năm 2024

BÁO CÁO

Quỹ tiền lương và tình hình thực hiện lao động của Công ty TNHH MTV Xổ sổ kiến thiết Kiên Giang

Kính gửi: Chủ tịch Công ty

Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động – Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BLĐ-TBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Thực hiện các qui định trên, Tổng Giám đốc đã chỉ đạo phòng Kế toán và phòng TCCB thống kê số liệu quỹ tiền lương thực hiện năm 2023, quỹ tiền lương kế hoạch năm 2024 và tình hình thực hiện sử dụng lao động năm 2023, kế hoạch sử dụng lao động năm 2024 của Công ty báo cáo Chủ tịch Công ty (Có 04 báo cáo kèm theo).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, KT.



Lâm Minh Đạo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị tính: Người

Kiên Giang, ngày 20 tháng 02 năm 2024 *Thuyết*
TRƯỜNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ

Lâm Minh Đạo



Biểu mẫu số 2

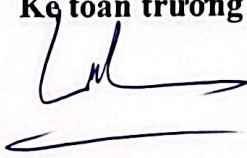
BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024 CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG
(Ban hành kèm theo TT số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/ 9/ 2016 của Bộ LĐTB và XH)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2023		Kế hoạch năm 2024
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6
I	Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:				
1	Tổng sản phẩm tiêu thụ (kể cả qui đổi)		5.483.818.000	6.337.646.111	6.220.976.000
	- Vé xổ số	Vé	619.818.000	645.588.519	520.976.000
	- Trang in	Trang	4.864.000.000	5.692.057.592	5.700.000.000
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	6.280.400	6.574.026	6.308.760
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	4.226.428	4.376.717	4.185.417
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	656.300	735.592	723.306
5	Tổng các khoản nộp NSNN	Tr.đồng	1.890.000	1.976.970	1.950.000
II	Tiền lương:				
1	Lao động kế hoạch	Người	278	-	271
2	Lao động thực tế sử dụng bq	Người	-	276	-
3	Mức tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động.	1.000đ/tháng	6.197	6.263	6.384
4	Mức tiền lương bq KH	1.000đ/tháng	25.868	-	27.282
5	Mức tiền lương bq TH	1.000đ/tháng	-	28.865	-
6	Năng suất lao động bq KH (tính theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có lương).	Tr.đồng/năm	16.602	-	16.320
7	Năng suất lao động bq TH	Tr.đồng/năm	-	17.182	-
8	Phân chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể.	Tr.đồng	-	-	-
9	Quỹ tiền lương kế hoạch	Tr.đồng	86.297	-	88.720
10	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr.đồng		95.601	-
11	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động.	Tr.đồng	21.488	24.797	22.754
12	Thu nhập bình quân (theo lao động thực tế sử dụng bình quân).	1.000đ/tháng	32.310	36.352	34.279

Kiên Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Lập biểu

Trần Thanh Minh

Kế toán trưởng

Trần Đỗ Thị Mỹ Linh

Tổng Giám đốc

Lâm Minh Đạo

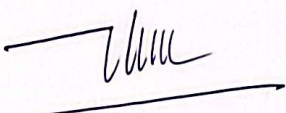
**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG
THỰC HIỆN NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024 CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ BKS**
(Ban hành kèm theo TT số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐTB và XH)

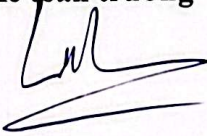
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2023		Kế hoạch năm 2024
			Kế hoạch	Thực hiện	
I	Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh:				
1	Tổng số vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	743.187	743.187	743.187
2	Tổng sản phẩm tiêu thụ (kể cả quy đổi)		5.483.818.000	6.337.646.111	6.220.976.000
	- Vé xổ số	Vé	619.818.000	645.588.519	520.976.000
	- Trang in	Trang	4.864.000.000	5.692.057.592	5.700.000.000
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	6.280.400	6.574.026	6.308.760
4	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	4.226.428	4.376.717	4.185.417
5	Tổng các khoản nộp NSNN	Tr.đồng	1.890.000	1.976.970	1.950.000
6	Lợi nhuận	Tr.đồng	656.300	735.592	723.306
7	Năng suất lao động bình quân kế hoạch	Trđ/năm	16.602	-	16.320
8	Năng suất lao động bình quân thực hiện	Trđ/năm	-	17.182	-
II	Tiền lương của người quản lý chuyên trách				
1	Số người quản lý chuyên trách (bình quân)	Người	8,0	8,0	8,0
2	Hạng công ty được xếp	-	I	I	I
3	Hệ số mức lương bình quân	-	6,32	6,32	6,32
4	Mức lương cơ bản bình quân	Tr.đồng/th	23,8	23,8	23,8
5	Hệ số tăng thêm so mức lương cơ bản	-	0,7	0,7	1,0
6	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	6.062	7.007	4.489
7	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/th	63,1	73,0	46,8
III	Thù lao của người quản lý không chuyên trách				
1	Số người quản lý không chuyên trách	Người	01	01	01
2	Tỷ lệ thù lao bình quân so với tiền lương	%	20	20	20
3	Quỹ thù lao	Tr.đồng	147	170	109
4	Mức thù lao bình quân	Tr.đồng/th	12,3	14,1	9,1
IV	Tiền thưởng, thu nhập				
1	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng	776	897	575
	- Người quản lý và BKS chuyên trách	Tr.đồng	758	876	561
	- Kiểm soát viên không chuyên trách	Tr.đồng	18	21	14
2	Mức TN bq người quản lý chuyên trách	Tr.đồng/th	71,2	82,3	52,7
3	Mức TN bq người quản lý không chuyên trách	Tr.đồng/th	13,8	15,9	10,2

Kiên Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Lập biểu

Kế toán trưởng





Trần Thanh Minh

Trần Đỗ Thị Mỹ Linh



Lâm Minh Đạo

BÁO CÁO

TIỀN LƯƠNG, THỦ LAO, TIỀN THƯỞNG BÌNH QUÂN NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024 CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2016/TT-LĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐTB và XH)

TT		Họ tên	Chức danh	Chuyên trách/ không chuyên trách	Tiền lương, tiền thưởng, thù lao, thu nhập (tr đồng/tháng)											
					Tiền lương			Tiền thưởng			Thù lao			Thu nhập		
					KH năm 2023	TH năm 2023	KH năm 2024	KH năm 2023	TH năm 2023	KH năm 2024	KH năm 2023	TH năm 2023	KH năm 2024	KH năm 2023	TH năm 2023	KH năm 2024
1	Trần Chí Hùng	Chủ tịch	Chuyên trách	861,4	995,8	637,9	107,68	124,48	79,7	0,0	50,4	-	969,08	1.170,7	717,6	
2	Lâm Minh Đạo	TGD	"	829,5	958,9	614,3	103,69	119,86	76,8	0,0	0,0	-	933,19	1.078,8	691,1	
3	Huỳnh Văn Ngà	Trưởng BKS	"	574,3	885,2	567,0	71,79	110,65	70,9	0,0	0,0	-	646,09	995,9	637,9	
4	Lâm Thanh Nhân	KSV	"	550,3	848,3	543,4	68,79	106,04	67,9	0,0	0,0	-	619,09	954,3	611,3	
5	Nguyễn Ngọc Hòa	Phó TGD	"	733,8	848,3	543,4	91,73	106,04	67,9	0,0	0,0	-	825,53	954,3	611,3	
6	Lâm Thành Được	Phó TGD	"	733,8	848,3	543,4	91,73	106,04	67,9	0,0	60,0	-	825,53	1.014,3	611,3	
7	Đỗ Chí Hiền	KSV	"	733,8	848,3	543,4	91,73	106,04	67,9	0,0	0,0	-	825,53	954,3	611,3	
8	Trần Đỗ Thị Mỹ Linh	KTT	"	670,0	774,5	496,1	83,75	96,81	62,0	0,0	0,0	-	753,75	871,3	558,1	
9	Đổng Thị Kim Ngân	KSV	Không chuyên trách	110,0	169,6	108,6	13,75	21,20	13,6	0,0	0,0	-	123,75	190,8	122,2	
Tổng cộng:				5.797	7.177	4.598	725	897	575	0	110	0	6.522	8.185	5.172	

Lập biểu

Kế toán trưởng

Kiên Giang, ngày 28 Tháng 02 năm 2024

Trần Thanh Minh

Trần Đỗ Thị Mỹ Linh

Lâm Minh Đạo

